

Số: 952 /KL - QLTTNA

Nghệ An, ngày 21 tháng 10 năm 2024

KẾT LUẬN

Thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương đối với Công ty cổ phần bánh kẹo Tràng An 2 – Việt Nam

Thực hiện Quyết định thanh tra số 726/QĐ-QLTTNA ngày 13/8/2024 của Cục trưởng Cục Quản lý thị trường tỉnh Nghệ An về thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương đối với Công ty cổ phần bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam, địa chỉ: số 233, đường Sào Nam, phường Nghi Thu, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ báo cáo số 09/BC-ĐTTr ngày 27/9/2024 của Trưởng đoàn thanh tra về thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm đối với Công ty cổ phần bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam, Cục trưởng Cục Quản lý thị trường tỉnh Nghệ An kết luận thanh tra như sau:

I. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

- Công ty Cổ phần bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam có địa chỉ trụ sở chính và nhà máy sản xuất tại số 233, đường Sào Nam, phường Nghi Thu, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An. Công ty có vốn điều lệ: 48.146.550.000 đồng. Người đại diện theo pháp luật là ông: Trịnh Sỹ - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam, mã số doanh nghiệp 2901142331 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, đăng ký lần đầu ngày 13/11/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 22/8/2017.

- Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp: Sản xuất và kinh doanh sản phẩm bánh kẹo các loại.

- Công ty cổ phần bánh kẹo Tràng An 2 - Việt nam sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm vì Công ty đã được cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000: 2018, số đăng ký: VN997-FS, hiệu lực đến 06/12/2025, theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều luật an toàn thực phẩm đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP.

- Giấy chứng nhận áp dụng chương trình an toàn thực phẩm, kết hợp với các nguyên tắc của HACCP số đăng ký VN997-HC có hiệu lực đến hết ngày 06/12/2025.

- Cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam gồm: 07 phòng nghiệp vụ (Bộ phận văn phòng; bộ phận tài chính kế toán; bộ phận kế hoạch sản xuất; bộ phận nghiên cứu phát triển, QC; bộ phận kho; bộ phận kỹ thuật cơ điện) và 04 phân xưởng sản xuất (Snack; bánh pháp; bánh gạo; bánh quy). Danh sách cán bộ, nhân viên lao động tại công ty như sau:

+ Tháng 5/2022 đến 31/12/2022: Tổng số cán bộ nhân viên người lao động là 126 người (Trong đó trực tiếp sản xuất số lượng 100 người và gián tiếp 26 người)

Cụ thể:

Bộ phận văn phòng: 04 người

Bộ phận tài chính kế toán: 01 người

Bộ phận kế hoạch sản xuất: 03 người

Bộ phận nghiên cứu phát triển; QC: 04 người

Bộ phận kho: 06 người

Bộ phận kỹ thuật cơ điện: 08 người

Bộ phận sản xuất trực tiếp: 100 người

+ Từ 31/12/2023 đến tháng 8/2024: Tổng số cán bộ nhân viên người lao động là 112 người (Trong đó trực tiếp sản xuất số lượng 85 người và gián tiếp 27 người)

Cụ thể:

Bộ phận văn phòng: 04 người

Bộ phận tài chính kế toán: 01 người

Bộ phận kế hoạch sản xuất: 04 người

Bộ phận nghiên cứu phát triển, QC: 04 người

Bộ phận kho: 06 người

Bộ phận kỹ thuật cơ điện: 08 người

Bộ phận sản xuất trực tiếp: 85 người

II. KẾT QUẢ THANH TRA

Căn cứ Quyết định thanh tra số 726/QĐ-QLTTNA ngày 13/8/2024 của Cục trưởng Cục Quản lý thị trường tỉnh Nghệ An, thời kỳ thanh tra đối với Công ty cổ phần bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam từ ngày 01/5/2022 đến ngày 30/7/2024 gồm các nội dung sau.

1. Việc thực hiện quy định về điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm

1.1. Điều kiện đối với cơ sở sản xuất

Căn cứ báo cáo của Công ty và kiểm tra thực tế, Đoàn kiểm tra ghi nhận: Công ty Cổ phần bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam đáp ứng các quy định về điều kiện đối với cơ sở sản xuất theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ

công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. Cụ thể:

a. Đối với việc thiết kế, bố trí nhà xưởng

- Quy trình sản xuất thực phẩm: Quy trình sản xuất thực phẩm được bố trí theo nguyên tắc một chiều từ nguyên liệu đầu vào cho đến sản phẩm cuối cùng.

- Tổng diện tích nhà máy gồm 42.900 m², nhà xưởng được thiết kế đảm bảo theo các yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm, gồm 4 nhà xưởng: bánh pháp; bánh quy; bánh gạo; bánh snack; 2 kho; 1 nhà ăn; 1 xưởng cơ khí. Các nhà xưởng thiết kế độc lập, riêng từng khu vực.

- Khu vực kho nguyên liệu, kho thành phẩm; khu vực sơ chế, chế biến, đóng gói thực phẩm; khu vực vệ sinh; khu thay đồ bảo hộ và các khu vực phụ trợ liên quan như khu vực kho hàng, khu vực kho chứa đựng và bảo quản thực phẩm, khu vực nướng, khu vực sấy, phòng vi sinh, khu vực nhà ăn... được thiết kế tách biệt.

Tại thời điểm thanh tra, Công ty Cổ phần bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam chỉ hoạt động sản xuất bánh pháp. Đối với khu vực sản xuất bánh quy, bánh gạo, bánh snack hiện đang tạm dừng hoạt động. Tại khu vực sản xuất bánh pháp, sản phẩm bánh pháp đều được bảo quản trong kho thành phẩm và được sắp xếp riêng biệt theo lô và có bảng ghi các thông tin về: Tên sản phẩm, lô hàng, ngày sản xuất, ca sản xuất.

- Nơi tập kết, xử lý chất thải đều ở ngoài khu vực nhà xưởng sản xuất thực phẩm và có dụng cụ thu gom chất thải, rác thải. Dụng cụ thu gom chất thải, rác thải có nắp đậy, kín, sạch sẽ dễ vệ sinh. Công ty có ký hợp đồng thu gom, xử lý chất thải, rác thải với công ty Cổ phần môi trường và công trình đô thị Nghệ An hàng năm.

b. Đối với kết cấu nhà xưởng

- Nhà xưởng có kết cấu khung thép tiền chế Zamil steel, trần nhà làm bằng tôn chịu nhiệt. Tường, nền nhà ốp gạch granit sạch sẽ, không thấm nước, không bị rạn nứt, dễ lau chùi vệ sinh. Vách ngăn các khu vực, phòng chức năng làm bằng vật liệu nhôm kính cường lực, bề mặt phẳng nhẵn, dễ vệ sinh.

- Nền nhà phẳng, nhẵn, không gây trơn trượt, có hệ thống thoát nước, không thấm, đọng nước.

- Cửa ra vào và cửa sổ được thiết kế kín; cửa ra vào lắp rèm nhựa chống côn trùng và đèn bắt côn trùng, các cửa sổ, thông gió có lắp lưới chống côn trùng, vật nuôi xâm nhập.

c. Hệ thống thông gió

Hướng gió của hệ thống thông gió không thổi từ khu vực có nguy cơ ô nhiễm sang khu vực có yêu cầu sạch. Hệ thống quạt làm mát lấy gió từ bên ngoài

vào các khu vực sản xuất, có đầy đủ lưới lọc. Có các quạt thông gió được bố trí theo từng khu vực không thổi từ khu vực này sang khu vực khác.

d. Hệ thống cung cấp nước

Công ty sử dụng nguồn nước sạch của Công ty CP cấp nước Cửa Lò theo Hợp đồng dịch vụ cấp nước số 2244/HDDV ngày 02/11/2021 có hiệu lực 05 năm. Nước sạch sử dụng tại các phân xưởng sản xuất được kiểm nghiệm định kỳ 6 tháng 01 lần do Trung tâm kiểm nghiệm TSL thuộc công ty TNHH khoa học TSL thực hiện. Mẫu kiểm nghiệm được lấy tại các xưởng sản xuất và nhà ăn, cụ thể như sau:

Kết quả kiểm nghiệm ngày 03/01/2022: 03/03 mẫu Đạt, mã số TSL3220100042-1, TSL3220100042-2, TSL3220100042-3;

Kết quả kiểm nghiệm ngày 17/8/2022: 03/03 mẫu Đạt, mã số TSL3220800337-2, TSL3220800337-3, TSL3220800337-4;

Kết quả kiểm nghiệm ngày 29/12/2022: 03/03 mẫu Đạt, mã số TSL322120563-2, TSL322120563-3, TSL322120563-4;

Kết quả kiểm nghiệm ngày 18/7/2023: 03/03 mẫu Đạt, mã số 1X264G1207;

Kết quả kiểm nghiệm ngày 16/01/2023: 03/03 mẫu Đạt, mã số 3Y651A0127;

Kết quả kiểm nghiệm ngày 29/6/2024: 03/03 mẫu Đạt, mã số 3Y675F0460

d. Nhà vệ sinh, khu vực thay đồ bảo hộ lao động

Nhà vệ sinh được bố trí riêng biệt với khu vực sản xuất thực phẩm; cửa nhà vệ sinh không mở thông vào khu vực sản xuất; bảo đảm gió không được thổi từ nhà vệ sinh sang khu vực sản xuất; có bảng chỉ dẫn “Rửa tay sau khi đi vệ sinh” ở vị trí dễ nhìn, dễ thấy tại khu vực vệ sinh. Tại các khu vệ sinh đều được lắp đặt bồn rửa tay, bình xịt, máy sấy khô và các trang bị các thiết bị khử trùng sau khi đi vệ sinh, có hướng dẫn sử dụng, cụ thể.

- Thông gió của nhà vệ sinh không hướng sang khu vực sản xuất.
- Có phòng thay trang phục bảo hộ lao động, được trang bị các tủ đựng đồ cá nhân, dụng cụ thu gom bảo hộ lao động.

e. Có khu vực lưu mẫu riêng, hồ sơ lưu mẫu và bảo đảm thực hiện chế độ lưu, hủy mẫu theo yêu cầu bảo quản của từng loại mẫu

Công ty cổ phần Bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam thực hiện việc lưu mẫu sản xuất theo các lô cho từng loại sản phẩm. Mẫu được lưu trong tủ kính và được bảo quản ở điều kiện môi trường bình thường, định kỳ hàng tháng có đánh giá chất lượng, có sổ theo dõi lưu mẫu. Mẫu được lưu đến hết thời hạn sử dụng đối với sản phẩm sau đó mới thực hiện hủy mẫu.

g. Có khu vực riêng để lưu giữ tạm thời các sản phẩm không đạt chất lượng trong quá trình chờ xử lý

Tại khu vực sản xuất, kho đều bố trí các khu vực để lưu giữ tạm thời các sản phẩm không đạt chất lượng chờ xử lý. Các khu vực này được bố trí riêng biệt,

có đầy đủ tem nhãn cảnh báo tránh nhầm lẫn với hàng đạt chất lượng khác. Tem nhãn cảnh báo được dán bằng màu đỏ.

1.2. Điều kiện đối với trang thiết bị, dụng cụ

Hoạt động sản xuất của Công ty cổ phần Tràng An 2, địa chỉ: Số 233 đường Sào Nam phường Nghi Thu thị xã Cửa Lò tỉnh Nghệ An có 04 khu vực sản xuất thực phẩm (khu vực sản xuất bánh pháp, khu vực sản xuất snack, khu vực sản xuất bánh gạo, khu vực sản xuất bánh quy), tại thời điểm thanh tra Công ty chỉ hoạt động sản xuất thực phẩm tại khu vực sản xuất Bánh Pháp.

Trên cơ sở tài liệu do Công ty CP Bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam cung cấp và kết quả kiểm tra thực tế Đoàn thanh tra ghi nhận như sau: Công ty đáp ứng các quy định về điều kiện đối với trang thiết bị, dụng cụ theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. Cụ thể:

a. Trang thiết bị, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm

- Đối với dây chuyền sản xuất: Công ty cổ phần Bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam có 04 dây chuyền sản xuất thực phẩm (dây chuyền sản xuất bánh pháp, dây chuyền sản xuất snack, dây chuyền sản xuất bánh gạo, dây chuyền sản xuất bánh quy) đều được làm bằng vật liệu khung thép không gỉ.

- Đối với màng chứa đựng thực phẩm:

- + Ngày 01/01/2022, Công ty cổ phần Bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam ký hợp đồng số NM/22/005 với Công ty TNHH Bao bì NM Việt Nam, địa chỉ: Số 02 đường TS 6 KCN Tiên Sơn, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh hợp đồng có hiệu lực đến ngày 31/12/2023.

- + Ngày 15/12/2023, Công ty CP Bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam ký hợp đồng số NM/24/005 với Công ty TNHH Bao bì NM Việt Nam, địa chỉ: Số 02 đường TS 6 KCN Tiên Sơn, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, hợp đồng có hiệu lực đến ngày 31/12/2024.

Kèm theo hợp đồng, có 01 bản tự công bố sản phẩm số 008-CBPHQĐATTP ngày 30 tháng 6 năm 2018 do Công ty TNHH bao Bì NM Việt Nam, địa chỉ: Số 02 đường TS 6 KCN Tiên Sơn, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh tự công bố đối với màng túi bánh gạo, bánh pháp, bánh quy; thời hạn sử dụng: Không xác định; 01 bản tự công bố sản phẩm số 002-CBPHQĐATTP ngày 03 tháng 10 năm 2022 do Công ty TNHH bao Bì NM Việt Nam, địa chỉ: Số 02 đường TS 6 KCN Tiên Sơn, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh tự công bố đối với màng túi bánh gạo, bánh pháp, bánh quy, thời hạn sử dụng: Không xác định; 01 bản tự công bố 001-CBPHQĐATTP ngày 07 tháng 10 năm 2020 do Công ty TNHH bao Bì NM Việt Nam, địa chỉ: Số 02 đường TS 6 KCN Tiên Sơn, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh tự công bố đối với sản phẩm Màng snack; thời hạn sử dụng: Không xác định.

- Đối với bao bì Carton (bảo quản thực phẩm bao gói):

+ Ngày 03/01/2022, Công ty CP Bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam ký hợp đồng số 10/2021/TC-TA2 với Công ty Cổ phần Thành Công Hà Nội, địa chỉ: Du Tràng, Vĩnh Khúc, Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, hợp đồng có hiệu lực 01 năm kể từ ngày ký.

+ Ngày 15/10/2022, Công ty CP Bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam ký hợp đồng số 001/TA2/THP/2022 với Công ty Cổ phần bao bì Thuận Hòa Phát, địa chỉ: xã Nghĩa Lộ, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, hợp đồng có hiệu lực đến ngày 30/12/2023.

+ Ngày 02/01/2024, Công ty CP Bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam ký hợp đồng số 03/THP/HĐ với Công ty Cổ phần bao bì Thuận Hòa Phát, địa chỉ: xã Nghĩa Lộ, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, hợp đồng có hiệu lực đến ngày 02/01/2025.

Kèm theo hợp đồng, có chứng nhận hệ thống Quản lý chất lượng cho Công ty Cổ phần bao bì Thuận Hòa Phát, địa chỉ: Nghĩa Lộ, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, đã được đánh giá phù hợp với tiêu chuẩn, phạm vi chứng nhận: Sản xuất bao bì giấy và thùng carton sóng, chứng chỉ ISO 9001:2015 Số: 18ACM5301Q, ngày chứng nhận lần đầu 22/8/2018, thời hạn 21/8/2024; chứng nhận hệ thống Quản lý chất lượng cho Công ty Cổ phần bao bì Thuận Hòa Phát, địa chỉ: Nghĩa Lộ - huyện Văn Lâm – tỉnh Hưng Yên, đã được đánh giá phù hợp với tiêu chuẩn, phạm vi chứng nhận: Sản xuất bao bì giấy và thùng carton sóng, chứng chỉ ISO 9001:2015 số: 0216/24Q/ICA; chứng nhận có hiệu lực từ 26/7/2024 đến 25/7/2027.

b. Phương tiện rửa và khử trùng tay

Khu vực sản xuất bánh Pháp của Công ty Cổ phần bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam có trang bị đầy đủ trang thiết bị rửa, khử trùng trước khi sản xuất thực phẩm.

c. Thiết bị, dụng cụ sản xuất thực phẩm

Được chế tạo bằng vật liệu inox; nhựa PU không độc, không thối nhiễm các chất độc hại, không gây mùi lạ hay làm biến đổi thực phẩm.

d. Thiết bị dụng cụ giám sát, đo lường

- Tại Khu vực sản xuất của Công ty có trang bị thiết bị giám sát bằng hình ảnh thông qua hệ thống camera được lắp đặt ở tất cả các vị trí trong sản xuất. Thiết bị đo lường như đồng hồ nhiệt; đồng hồ áp suất; cân được trang bị và được kiểm định, hiệu chuẩn theo đúng quy định của pháp luật về đo lường, đảm bảo việc kiểm soát chất lượng, thông số kỹ thuật, an toàn thực phẩm được thực hiện và duy trì. (*chi tiết các thiết bị có tại phụ lục số 01 kèm theo*)

- Tại thời điểm thanh tra, Công ty CP Bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam có hệ thống quản lý kiểm soát chất lượng theo ISO 22000; định kỳ Công ty CP Bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam thuê đơn vị Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng, địa chỉ: Xã Nghi Ân, TP Vinh, tỉnh Nghệ An theo hợp đồng số 3B/2022 ngày 17/02/2022 và số 86/2024 ngày 26/7/2024 để kiểm định và hỗ trợ kỹ thuật an toàn cho đến khi kết thúc nghiệm thu và Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội, địa chỉ 144 Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội số 199/TT-HĐ

ngày 02/10/2023 để kiểm định và hỗ trợ kỹ thuật an toàn cho đến khi kết thúc nghiệm thu.

- Chất tẩy rửa và sát trùng: Được đựng trong bao bì dễ nhận biết, có hướng dẫn sử dụng và không để ở nơi sản xuất thực phẩm.

1.3. Điều kiện đối với người trực tiếp sản xuất thực phẩm

Căn cứ hồ sơ Công ty cung cấp và tình hình thực tế, Đoàn thanh tra ghi nhận: Công ty đáp ứng các quy định về điều kiện đối với người trực tiếp sản xuất thực phẩm theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020. Cụ thể:

- Công ty cung cấp cho Đoàn thanh tra danh sách người lao động 97 người (trực tiếp sản xuất số lượng 71 người và gián tiếp 26 người) được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm và được chủ cơ sở xác nhận số 01/2021/XNATTP/TA2 ngày 26/7/2021, Giấy xác nhận có thời hạn 3 năm; việc tập huấn có đầy đủ các câu hỏi đáp ứng theo Quyết định số 1390/QĐ-BCT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương (*có tài liệu kèm theo*).

Ngày 01/6/2022, Công ty tập huấn bổ sung kiến thức an toàn thực phẩm cho 10 lao động trực tiếp sản xuất và được chủ cơ sở xác nhận bổ sung; việc tập huấn có đầy đủ các câu hỏi đáp ứng theo Quyết định số 1390/QĐ-BCT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương (*có tài liệu kèm theo*).

Ngày 25/11/2022, Công ty tập huấn bổ sung kiến thức an toàn thực phẩm cho 19 lao động trực tiếp sản xuất và được chủ cơ sở xác nhận bổ sung; việc tập huấn có đầy đủ các câu hỏi đáp ứng theo Quyết định số 1390/QĐ-BCT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương (*có tài liệu kèm theo*).

- Trong kỳ thanh tra, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động. Căn cứ kết quả kiểm tra sức khỏe định kỳ ngày 29/11/2021 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật- Sở Y tế Nghệ An cho thấy: Tổng số CBCNV khám 90 người (trực tiếp sản xuất số lượng 71 người và gián tiếp 19 người) không có nhân viên nào mắc các bệnh tả, ly, thương hàn, viêm gan A, E, viêm da nhiễm trùng, lao phổi, tiêu chảy cấp. Người trực tiếp sản xuất thực phẩm bảo đảm yêu cầu về sức khỏe.

Tháng 5/2022: Lao động trực tiếp tăng thêm 10 người có giấy khám sức khỏe khi tuyển dụng.

Ngày 12/12/2022, căn cứ kết quả kiểm tra sức khỏe định kỳ của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật- Sở Y tế Nghệ An cho thấy: Tổng số CBCNV khám 117 người (trực tiếp sản xuất số lượng 98 người và gián tiếp 21 người), không có nhân viên nào mắc các bệnh tả, ly, thương hàn, viêm gan A, E, viêm da nhiễm trùng, lao phổi, tiêu chảy cấp. Người trực tiếp sản xuất thực phẩm bảo đảm yêu cầu về sức khỏe.

- Năm 2023-2024: Công ty cung cấp cho Đoàn thanh tra danh sách người lao động số lượng 105 người (trực tiếp sản xuất số lượng 84 người và gián tiếp 21 người) được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm và được chủ cơ sở xác nhận

số 01/2023/XNTHKTATTP ngày 20/7/2023. Giấy xác nhận có thời hạn 3 năm; việc tập huấn có đầy đủ các câu hỏi đáp ứng theo Quyết định số 1390/QĐ-BCT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương (*có tài liệu kèm theo*).

Ngày 11/5/2024, Công ty tập huấn bổ sung kiến thức an toàn thực phẩm cho 02 lao động trực tiếp sản xuất, việc tập huấn có đầy đủ các câu hỏi đáp ứng theo Quyết định số 1390/QĐ-BCT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương (*có tài liệu kèm theo*).

Trong kỳ thanh tra, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động. Căn cứ kết quả kiểm tra sức khỏe định kỳ ngày 01/12/2023 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật- Sở Y tế Nghệ An cho thấy: Tổng số CBCNV khám 94 người. (trực tiếp sản xuất số lượng 84 người và gián tiếp 10 người): Sức khỏe loại I và II chiếm 61.7%; loại III chiếm tỷ lệ 38.3%; không có sức khỏe loại IV và V, không có nhân viên nào mắc các bệnh tả, ly, thương hàn, viêm gan A, E, viêm da nhiễm trùng, lao phổi, tiêu chảy cấp. Người trực tiếp sản xuất thực phẩm bảo đảm yêu cầu về sức khỏe.

Ngày 11/5/2024, Lao động trực tiếp tăng thêm 02 người có giấy khám sức khỏe khi tuyển dụng.

- Kiểm tra thực tế tại khu vực sản xuất Bánh pháp của Công ty: Người trực tiếp sản xuất thực phẩm đều mang trang phục bảo hộ riêng, đội mũ, đeo găng tay chuyên dùng và đeo khẩu trang.

Người tiếp xúc trực tiếp trong quá trình sản xuất thực phẩm tuân thủ các quy định về thực hành vệ sinh: móng tay ngắn, sạch sẽ và không đeo nhẫn, đồ trang sức tay, đồng hồ; không ăn uống, hút thuốc, khạc nhổ trong khu vực sản xuất thực phẩm.

1.4. Điều kiện đối với bảo quản thực phẩm trong sản xuất thực phẩm

Công ty đáp ứng các quy định về Điều kiện đối với bảo quản thực phẩm trong sản xuất thực phẩm theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020. Cụ thể:

- Nguyên liệu, sản phẩm thực phẩm đều được đóng gói và bảo quản ở vị trí cách nền 15 cm, cách tường 40 cm và cách trần 200 cm.

- Có trang thiết bị điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm thông gió và các yếu tố ảnh hưởng tới an toàn thực phẩm

TT	Tên dụng cụ đo	Tem kiểm định			Đơn vị cấp	Vị trí sử dụng
		Số tem	Ngày cấp	Hết hạn		
1	Nhiệt ẩm kế	28063	17/8/2023	17/8/2024	Trung tâm kiểm định đo lường Hà Nội	Kho bảo quản
		17808	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	

		15219	15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
2	Nhiệt ẩm kế	22675	17/8/2023	17/8/2024	Trung tâm kiểm định đo lường Hà Nội	Kho bảo quản
		17809	16/9/2022	30/9/2023		
			15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
		15220				

TT	Tên dụng cụ đo	Tem kiểm định			Đơn vị cấp	Vị trí sử dụng
		Số tem	Ngày cấp	Hết hạn		
1	Nhiệt ẩm kế	40480	20/08/2024	20/08/2025	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Kho bảo quản
2	Nhiệt ẩm kế	40460	20/08/2024	20/08/2025	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Kho bảo quản

1.5. Việc thực hiện công bố sản phẩm, ghi nhận sản phẩm; Nguồn gốc, xuất xứ nguyên liệu dùng để sản xuất thực phẩm

Trên cơ sở các thông tin, tài liệu, hồ sơ pháp lý do Công ty cung cấp và kiểm tra thực tế kết quả, cụ thể:

a. Việc thực hiện tự công bố sản phẩm

- Dựa trên thông tin tài liệu do Công ty CP Bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam cung cấp cho Đoàn thanh tra về hồ sơ công bố sản phẩm đối với sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương trong thời kỳ thanh tra (14 sản phẩm) ghi nhận: Công ty chấp hành đúng quy định về thực hiện tự công bố sản phẩm thực phẩm thuộc diện tự công bố theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP.

- Hồ sơ tự công bố sản phẩm đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ.

- Bản tự công bố sản phẩm được Công ty CP Bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam niêm yết công khai tại trụ sở của Công ty, Công ty nộp 01 bản trực tiếp đến Sở Công Thương. Hồ sơ tự công bố sản phẩm của Công ty Cổ phần bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam đã gửi trực tiếp đến Sở Công Thương để công bố trên trang thông tin điện tử của Sở Công Thương tại địa chỉ: <https://congthuong.nghean.gov.vn> theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 5

Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 được sửa đổi bởi Khoản 1 Điều 3 Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ.

- Các tài liệu trong hồ sơ tự công bố đều được thể hiện bằng tiếng Việt theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ.

- Kết quả kiểm tra, đối chiếu về tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo trên nhãn sản phẩm với bản tự công bố của Công ty không có sự thay đổi nên không thuộc trường hợp phải tự công bố lại theo quy định tại Khoản 4 Điều 5 Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ.

- Hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm đối với 14 sản phẩm do Công ty sản xuất trong kỳ thanh tra như sau:

+ Hồ sơ tự công bố chất lượng đối với sản phẩm bánh snack vị bò Teppy, bản tự công bố số 02/TA/2023, phiếu kết quả thử nghiệm số No:002000886.00 ngày 03/3/2004 do trung tâm kiểm nghiệm TSL Hà Nội cấp, mẫu nhãn sản phẩm.

+ Hồ sơ tự công bố bánh snack vị cua Teppy, bản tự công bố số 01/TA/2023, phiếu kết quả kiểm nghiệm số No: 001000885.00 do trung tâm kiểm nghiệm TSL Hà Nội cấp ngày 03/3/2024, mẫu nhãn sản phẩm.

+ Hồ sơ tự công bố bánh Pháp hương sầu riêng Challot, bản tự công bố số 04/TA2/2020; phiếu kết quả kiểm nghiệm số No: 004000888.00 do trung tâm kiểm nghiệm TSL Hà Nội cấp ngày 03/3/2024, mẫu nhãn sản phẩm

+ Hồ sơ tự công bố bánh Pháp Challot, bản tự công bố số 03/TA2/2020; phiếu kết quả kiểm nghiệm số No: 003000887.00 do trung tâm kiểm nghiệm TSL Hà Nội cấp ngày 03/3/2024, mẫu nhãn sản phẩm .

+ Hồ sơ tự công bố bánh Pháp Challot - parispancake, bản tự công bố số 11/TA2/2021; phiếu kết quả kiểm nghiệm số No: TSL3220200117-2 do trung tâm kiểm nghiệm TSL Hà Nội cấp ngày 22/2/2022, mẫu nhãn sản phẩm.

+ Hồ sơ tự công bố bánh quy bơ Monica, bản tự công bố số 12/TA2/2021; phiếu kết quả kiểm nghiệm số No: 001026656.00 do trung tâm kiểm nghiệm TSL Hà Nội cấp ngày 02/9/2023, mẫu nhãn sản phẩm.

+ Hồ sơ tự công bố bánh quy rau củ dinh dưỡng Mesi, hồ sơ tự công bố số 24/TA2/2023; phiếu kết quả kiểm nghiệm số No: 002005091.01 do trung tâm kiểm nghiệm TSL Hà Nội cấp ngày 30/11/2023, mẫu nhãn sản phẩm.

+ Hồ sơ tự công bố bánh quy hạt dinh dưỡng Mesi, bản tự công bố số 23/TA2/2023; phiếu kết quả kiểm nghiệm số No: 001005090.01 do trung tâm kiểm nghiệm TSL Hà Nội cấp ngày 30/11/2023, mẫu nhãn sản phẩm.

+ Hồ sơ tự công bố bánh gạo Yukihana mật ong, bản tự công bố số 08/TA2/2021; phiếu kết quả kiểm nghiệm số No: 002001251.00 do trung tâm kiểm nghiệm TSL Hà Nội cấp ngày 20/3/2024, mẫu nhãn sản phẩm.

+ Hồ sơ tự công bố bánh gạo Lộc vị tự nhiên, bản tự công bố số 17/TA2/2022; phiếu kết quả kiểm nghiệm số No: 001001250.00 do trung tâm kiểm nghiệm TSL Hà Nội cấp ngày 20/3/2024, mẫu nhãn sản phẩm.

+ Hồ sơ tự công bố bánh gạo Lộc vị mặn, bản tự công bố số 18/TA2/2022; phiếu kết quả kiểm nghiệm số No: 003001252.00 do trung tâm kiểm nghiệm TSL Hà Nội cấp ngày 20/3/2024, mẫu nhãn sản phẩm.

+ Hồ sơ tự công bố bánh gạo Mesi vị tự nhiên, bản tự công bố số 25/TA2/2024; phiếu kết quả kiểm nghiệm số No: 002004854.00 do trung tâm kiểm nghiệm TSL Hà Nội cấp ngày 03/7/2024, mẫu nhãn sản phẩm.

+ Hồ sơ tự công bố bánh gạo Mesi vị gà nướng, bản tự công bố số 26/TA2/2024; phiếu kết quả kiểm nghiệm số No: 001004853.00 do trung tâm kiểm nghiệm TSL Hà Nội cấp ngày 03/7/2024, mẫu nhãn sản phẩm.

+ Hồ sơ tự công bố bánh gạo Mesi vị mật ong, bản tự công bố số 27/TA2/2024; phiếu kết quả kiểm nghiệm số No: 003004855.00 do trung tâm kiểm nghiệm TSL Hà Nội cấp ngày 03/7/2024, mẫu nhãn sản phẩm.

b. Việc thực hiện ghi nhãn hàng hóa thực phẩm do cơ sở sản xuất

- Các sản phẩm hàng hóa đều có nhãn, trên nhãn thể hiện đầy đủ các nội dung theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021.

c. Việc chấp hành quy định pháp luật về nguồn gốc, xuất xứ nguyên liệu dùng để sản xuất thực phẩm

- Trên cơ sở thông tin, tài liệu do Công ty cung cấp và kiểm tra đối chiếu thực tế tại kho chứa nguyên liệu, Đoàn ghi nhận: nguyên liệu để sản xuất thực phẩm còn hạn sử dụng, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng (Nguyên liệu có hóa đơn chứng từ mua hàng hóa kèm theo bản tự công bố sản phẩm đối với nguyên liệu thực phẩm phải thực hiện tự công bố sản phẩm) có nhãn hàng hóa đầy đủ nội dung theo quy định. Các nguyên liệu dùng trong sản xuất đều là nguyên liệu được phép sử dụng trong an toàn thực phẩm, đã được kiểm tra và dán tem chỉ danh mã lô khi nhập kho. (có phụ lục số 02 bảng nguyên liệu sản xuất mua vào các năm: 2022, 2023 và 2024 kèm theo)

2. Việc thực hiện quy định về điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm

Tại thời điểm thanh tra, Công ty có 01 cửa hàng đang hoạt động trưng bày và bán các sản phẩm của Công ty tại địa chỉ: số 233 đường Sào Nam, phường Nghi Thu, thị xã Cửa Lò tỉnh Nghệ An (trong khuôn viên của Công ty).

2.1. Điều kiện đối với cơ sở kinh doanh

Cửa hàng đảm bảo điều kiện đối với cơ sở kinh doanh theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính Phủ, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. Cụ thể:

- Thiết kế khu vực kinh doanh thực phẩm, vệ sinh, thay đồ bảo hộ và các khu vực phụ trợ được thiết kế tách biệt; cửa nhà vệ sinh không mở thông vào khu vực bảo quản thực phẩm.

- Nền nhà phẳng, nhẵn, không gây trơn trượt, có thoát nước, không thấm, đọng nước.

- Tường nhà và trần nhà phẳng, không bị thấm nước, không bị rạn nứt, không bị dính bám các chất bẩn và dễ làm vệ sinh.

- Hướng gió của hệ thống thông gió không thổi từ khu vực có nguy cơ ô nhiễm sang khu vực có yêu cầu sạch.

- Có đủ dụng cụ thu gom chất thải, rác thải; dụng cụ được làm bằng vật liệu nhựa HDPE, bảo đảm kín, có nắp đậy và sạch.

- Khu vực rửa tay có đủ dụng cụ, xà phòng, các chất tẩy rửa để vệ sinh và rửa tay; có bảng chỉ dẫn “Rửa tay sau khi đi vệ sinh” ở nơi dễ nhìn, dễ thấy.

2.2. Điều kiện đối với trang thiết bị, dụng cụ

Tại khu vực kinh doanh của Công ty đảm bảo điều kiện đối với trang thiết bị, dụng cụ theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính Phủ, sửa đổi bổ sung Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính Phủ. Cụ thể:

- Trang thiết bị phục vụ kinh doanh, bảo quản phù hợp với yêu cầu của từng loại thực phẩm và của nhà sản xuất (có giá kệ làm bằng vật liệu chắc chắn, dễ vệ sinh để trưng bày và bán sản phẩm; có thiết bị điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm, thông gió ở khu vực trưng bày, bán để bảo quản thực phẩm tại cửa hàng).

- Có Thiết bị phòng chống côn trùng và động vật gây hại không han gi, dễ tháo rời để bảo dưỡng và làm vệ sinh, thiết kế bảo đảm hoạt động hiệu quả phòng chống côn trùng và động vật gây hại.

2.3. Điều kiện đối với người trực tiếp kinh doanh thực phẩm

Người trực tiếp kinh doanh thực phẩm đảm bảo theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, sửa đổi bổ sung Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020 của Chính Phủ. Cụ thể:

- Người trực tiếp kinh doanh thực phẩm được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm và được chủ cơ sở xác nhận tại giấy xác nhận số 01/2023/XNTHKTATTP ngày 20/7/2023; việc tập huấn có đầy đủ các câu hỏi đáp ứng theo Quyết định số 1390/QĐ-BCT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

- Người trực tiếp kinh doanh thực phẩm bảo đảm yêu cầu về sức khỏe; không bị mắc các bệnh tả, lỵ, thương hàn, viêm gan A, E, viêm da nhiễm trùng, lao phổi, tiêu chảy và thực hiện kiểm tra sức khỏe định kỳ tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật- Sở Y tế Nghệ An.

2.4. Yêu cầu đối với bảo quản, vận chuyển thực phẩm trong kinh doanh thực phẩm

Việc bảo quản thực phẩm trong kinh doanh thực phẩm đảm bảo theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ

sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. Cụ thể:

- Điều kiện an toàn thực phẩm trong bảo quản thực phẩm: Sản phẩm thực phẩm trưng bày để giới thiệu, kinh doanh tại cửa hàng được bảo quản cẩn thận và sắp xếp ở vị trí cách nền 15 cm, cách tường 40 cm và cách trần 200 cm; tuân thủ độ cao xếp lớp lưu kho theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Khu vực bảo quản thực phẩm có đủ giá, kệ làm bằng các vật liệu chắc chắn, dễ vệ sinh; thực phẩm được đóng gói và bảo quản ở vị trí cách nền 15 cm, cách tường 40 cm và cách trần 200 cm; tuân thủ độ cao xếp lớp lưu kho theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

Điều kiện an toàn thực phẩm trong quá trình vận chuyển thực phẩm:

Tại cửa hàng chỉ thực hiện hoạt động trưng bày, giới thiệu và bán lẻ sản phẩm của Công ty, không thực hiện hoạt động vận chuyển hàng hóa.

III. KẾT LUẬN

1. Những nội dung Công ty Cổ phần bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam đã thực hiện

- Công ty Cổ phần bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam đáp ứng các quy định về điều kiện pháp lý đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định Luật Doanh nghiệp 2020; Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 về đăng ký doanh nghiệp; Luật An toàn thực phẩm năm 2010 và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật An toàn thực phẩm sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 155/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

- Công ty đã thực hiện tự công bố sản phẩm đối với các sản phẩm do Công ty sản xuất, kinh doanh, đáp ứng quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ, sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 155/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

- Công ty đáp ứng điều kiện đối với cơ sở sản xuất theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP, sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.của Chính phủ.

- Công ty đáp ứng điều kiện đối với trang thiết bị, dụng cụ theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP, sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.của Chính phủ.

- Công ty đáp ứng điều kiện đối với người trực tiếp sản xuất thực phẩm theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP, sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.của Chính phủ.

- Công ty đáp ứng điều kiện đối với bảo quản thực phẩm trong sản xuất thực phẩm theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP, sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.

- Công ty đáp ứng điều kiện đối với cơ sở kinh doanh theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, sửa đổi bổ

sung Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính Phủ, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính Phủ.

- Công ty đáp ứng điều kiện đối với cơ sở kinh doanh theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính Phủ, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính Phủ.

- Công ty đáp ứng điều kiện đối với người trực tiếp kinh doanh thực phẩm theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, sửa đổi bổ sung Nghị định số 17/2020 ngày 05/2/2020 của Chính Phủ.

- Công ty đáp ứng điều kiện đối với đối với bảo quản thực phẩm trong kinh doanh thực phẩm theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính Phủ.

- Công ty đáp ứng quy định về việc ghi nhãn hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 về nhãn hàng hóa, đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021.

- Công ty đáp ứng quy định pháp luật về nguồn gốc, xuất xứ nguyên liệu dùng để sản xuất thực phẩm theo quy định.

2. Những hạn chế, khuyết điểm và vi phạm: Không

IV. Ý KIẾN KHÁC NHAU GIỮA THÀNH VIÊN KHÁC CỦA ĐOÀN THANH TRA VỚI TRƯỞNG ĐOÀN THANH TRA: Không.

V. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG: Không

VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ: Không.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương đối với Công ty Cổ phần bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam, đề nghị Công ty tiếp tục thực hiện tốt các quy định pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Giao Trưởng đoàn thanh tra và các thành viên đoàn tổ chức thực hiện Kết luận này./. Mary

Nơi nhận:

- Tổng cục QLTT;
- Vụ Thanh tra - Kiểm tra; | (để b/c)
- Cục trưởng;
- CTCP bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam; |
- Các thành viên Đoàn thanh tra; | (để thực hiện)
- Công thông tin điện tử Cục QLTT Nghệ An (để đăng tải);
- Lưu: VT, Hồ sơ thanh tra.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Xuân Đôn

PHỤ LỤC 1

Kèm theo Kết luận thanh tra số: 952 /KL-QLTTNA ngày 21 tháng 10 năm 2024

Các thiết bị dụng cụ giám sát, đo lường năm 2023-2024

TT	Tên dụng cụ đo	Tem kiểm định			Đơn vị cấp	Vị trí sử dụng
		Số tem	Ngày cấp	Hết hạn		
I	Dây chuyền sản xuất bánh pháp					
1	Nhiệt ẩm kế	40482	21/08/2024	21/08/2025	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Phòng bao gói
2	Cân đồng hồ lò xo CĐH 60 kg	37412	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Phòng nguyên liệu
3	Cân kỹ thuật	36989	20/08/2024	20/08/2025	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Cân phụ gia
4	Cân đồng hồ lò xo CĐH 10 kg	37409	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Phòng nguyên liệu
5	Cân đồng hồ lò xo CĐH 0,5 kg	37416	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Phòng nguyên liệu
6	Cân đồng hồ lò xo CĐH 0,5 kg	37418	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Máy gói
7	Cân đồng hồ lò xo CĐH 0,5 kg	37417	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Máy gói
8	Cân đồng hồ lò xo CĐH 0,5 kg	37404	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Đóng túi
10	Lò nướng bánh 1	37005	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Khu nướng
11		37006	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Khu nướng
12	Lò nướng bánh 2	37007	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Khu nướng

13		37008	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Khu nướng
14	Lò nướng bánh 3	37009	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Khu nướng
15		37010	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Khu nướng
16	Lò nướng bánh 4	37011	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Khu nướng
17		37012	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Khu nướng
18	Áp kế hơi	37004	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Khu nướng
II	Dây chuyền sản xuất snack					
1	Nhiệt kế zone 1	45074	1/8/2024	1/8/2025	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Khu đùn
2	Nhiệt kế zone 2	45075	1/8/2024	1/8/2025	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Khu đùn
3	Nhiệt kế Zone 3	45077	1/8/2024	1/8/2025	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Khu đùn
4	Nhiệt ẩm kế	40475	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Phòng máy gói
5	Cân đồng hồ lò xo CĐH 0,5 kg	37410	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Khu đùn
6	Cân đồng hồ lò xo CĐH 2 kg	37403	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Máy gói
7	Cân đồng hồ lò xo CĐH 20 kg	40785	12/10/2023	31/10/2024	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Phòng NL
8	Cân đồng hồ lò xo CĐH 60 kg	37061	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Phòng NL

III	Dây chuyền sản xuất bánh gạo					
1	Áp kế bình gốp hơi hồ hóa	36941	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Khu nấu
2	Áp kế hồ hóa	37038	1/8/2024	1/8/2025	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Khu nấu
3	Áp kế máy ly tâm A	36905	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Khu sấy 2
4	Áp kế máy ly tâm B	36906	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Khu sấy 2
5	Áp kế máy ly tâm D	36907	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Khu sấy 2
6	Áp kế lò nướng 1	36913	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Khu nướng
7	Áp kế lò nướng 2	36914	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Khu nướng
8	Nhiệt ẩm kế 1	40459	12/10/2023	31/10/2024	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Phòng ủ
9	Nhiệt ẩm kế 2	40479	12/10/2023	31/10/2024	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Phòng máy gói
10	Nhiệt kế lò sấy FBD1 -1	45078	1/8/2024	1/8/2025	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Khu sấy 1
11	Nhiệt kế lò sấy FBD1 -2	45079	1/8/2024	1/8/2025	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Khu sấy 1
12	Nhiệt kế lò sấy FBD1 -3	45080	1/8/2024	1/8/2025	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Khu sấy 1
13	Nhiệt kế lò sấy FBD1 -4	45081	1/8/2024	1/8/2025	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Khu sấy 1
14	Nhiệt kế lò sấy FBD1 -5	45082	1/8/2024	1/8/2025	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Khu sấy 1
15	Nhiệt kế lò sấy FBD1 -6	45083	1/8/2024	1/8/2025	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Khu sấy 1
16	Nhiệt kế lò sấy FBD1 -7	45084	1/8/2024	1/8/2025	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Khu sấy 1

17	Nhiệt kế lò sấy FBD1 -8	45085	1/8/2024	1/8/2025	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Khu sấy 1
18	Nhiệt kế lò sấy FBD1 -9	45086	1/8/2024	1/8/2025	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Khu sấy 1
19	Nhiệt kế sấy FBD2-1	45087	1/8/2024	1/8/2025	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Khu sấy 3
20	Nhiệt kế sấy FBD2-2	45088	1/8/2024	1/8/2025	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Khu sấy 3
21	Nhiệt kế sấy FBD2-3	45089	1/8/2024	1/8/2025	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Khu sấy 3
22	Nhiệt kế sấy FBD2-4	45090	1/8/2024	1/8/2025	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Khu sấy 3
23	Nhiệt kế thùng dầu	45091	1/8/2024	1/8/2025	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Khu phun dầu
24	Nhiệt kế máy ly tâm A	45092	1/8/2024	1/8/2025	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Khu sấy 2
25	Nhiệt kế máy ly tâm B	45093	1/8/2024	1/8/2025	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Khu sấy 2
26	Nhiệt kế máy ly tâm C	45094	1/8/2024	1/8/2025	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Khu sấy 2
27	Nhiệt kế máy ly tâm D	45095	1/8/2024	1/8/2025	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Khu sấy 2
28	Nhiệt kế thiết bị chiên	45096	1/8/2024	1/8/2025	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Khu chiên
29	Cân đồng hồ lò xo CĐH 5 kg	37414	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Nguyên liệu
30	Cân đồng hồ lò xo CĐH 10 kg	37411	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Nguyên liệu
31	Cân đĩa điện tử	03967	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Định hình
32	Cân đĩa điện tử	03968	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Sấy 2
33	Cân đĩa điện tử	03969	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Nướng

34	Cân đồng hồ lò xo CDH 0.5 kg	37051	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Máy gói
35	Cân đồng hồ lò xo CDH 0.5 kg	37054	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Đóng túi
36	Cân đồng hồ lò xo CDH 2 kg	37402	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Đóng túi
37	Cân đồng hồ lò xo CDH 2 kg	37403	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Đóng túi
38	Cân đồng hồ lò xo CDH 5 kg	37052	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Đóng túi
39	Cân đồng hồ lò xo 60 kg	37031	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Nguyên liệu
IV	Dây chuyền sản xuất bánh quy					
1	Nhiệt ẩm kế phòng ủ	40481	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Định hình
2	Nhiệt ẩm kế phòng máy gói	40478	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Máy gói
3	Cân đồng hồ lò xo 0.5 kg	37055	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Phun dầu
4	Cân đồng hồ lò xo 1.0 kg	37401	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Đóng túi
5	Cân đồng hồ lò xo 5kg	37053	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Nguyên liệu
6	Cân đồng hồ lò xo 10kg	40788	20/08/2024	20/08/2025	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Nguyên liệu
7	Cân đồng hồ lò xo 20kg	37413	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Nguyên liệu

8	Cân đồng hồ lò xo 20kg	37413	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Nguyên liệu
9	Cân đĩa điện tử	03970	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Nguyên liệu
10	Cân đĩa điện tử	06966	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Định hình
V	Hệ thống phụ trợ					
1	Máy nén khí 13065	36880	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Khu máy nén
2	Máy nén khí 01530	36894	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Khu máy nén
3	Máy nén khí Fusheng	36893	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Khu máy nén
4	Máy sấy khí	36891	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Khu máy nén
5	BKN Fusheng 92159	36890	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Khu máy nén
6	BKN Fusheng OA152	36885	12/10/2023	31/10/2024	Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội	Khu máy nén
VI	Phòng kiểm soát chất lượng					
1	Cân phân tích độ ẩm	36984	12/10/2023	31/10/2024	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Phòng QC
2	Cân kỹ thuật	36990	12/10/2023	31/10/2024	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Phòng QC
3	Tủ nhiệt (tủ ẩm)	40492	12/10/2023	31/10/2024	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Phòng vi sinh
4	Bảng điều nhiệt	40945	12/10/2023	31/10/2024	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Phòng vi sinh

5	Áp kế	40941	12/10/2023	31/10/2024	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Phòng vi sinh
6	Cân đồng hồ lò xo 0.5 kg	37056	12/10/2023	31/10/2024	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Phòng QC
7	Cân đồng hồ lò xo, 5kg	40784	12/10/2023	31/10/2024	Chi cục tiêu chuẩn đo lường Nghệ An	Phòng QC

Năm 2022-2023

TT	Tên dụng cụ đo	Tem kiểm định			Đơn vị cấp	Vị trí sử dụng
		Số tem	Ngày cấp	Hết hạn		
I	Dây chuyền sản xuất bánh pháp					
1	Nhiệt ẩm kế	28064	17/8/2023	17/8/2024	Trung tâm kiểm định đo lường Hà Nội	Phòng bao gói
		17715	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
		15221	15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
2	Cân đồng hồ lò xo CĐH 20 kg	17771	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Phòng nguyên liệu
		016534	15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
4	Cân đồng hồ lò xo CĐH 2 kg	17768	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Phòng nguyên liệu
5	Cân đồng hồ lò xo CĐH 0,5 kg	17767	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Phòng nguyên liệu
		016526	15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
6	Cân đồng hồ lò xo CĐH 0,5 kg	17769	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Máy gói

		016527	15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
7	Cân đồng hồ lò xo CĐH 0,5 kg	17770	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Đóng túi
		016528	15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
		17716	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
8	Lò nướng bánh 1	17717	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Khu nướng
9		016543	15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Khu nướng
10	Lò nướng bánh 2	17719	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Khu nướng
11		17718	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Khu nướng
		016542	15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
12	Lò nướng bánh 3	17721	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Khu nướng
13		17720	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Khu nướng
14	Lò nướng bánh 4	17740	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Khu nướng
15		17741	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Khu nướng
16	Áp kế hơi	17714	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Khu nướng

		12173	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Phụ gia
17	Cân kỹ thuật	016538	15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
II	Dây chuyền sản xuất bánh snack					
		29979	17/8/2023	17/8/2024	Trung tâm kiểm định đo lường Hà Nội	
		17766	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Phòng máy gói
1	Nhiệt ẩm kế	15222	15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
		17770	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Khu đun
2	Cân đồng hồ lò xo CĐH 0,5 kg	016521	15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
3	Cân đồng hồ lò xo CĐH 2 kg	17773	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Máy gói
		17772	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Phòng NL
4	Cân đồng hồ lò xo CĐH 60 kg	016535	15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
III	Dây chuyền sản xuất bánh gạo					
		17722	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Khu nấu
1	Áp kế bình gốp hơi hồ hóa	016540	15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	

		17659	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Khu nấu
2	Áp kế hồ hóa	016541	15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
		17664	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Khu sấy 2
3	Áp kế máy ly tâm A	016538	15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
	Áp kế máy ly tâm B	17665	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Khu sấy 2
4		016539	15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
5	Áp kế máy ly tâm D	17666	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Khu sấy 2
6	Áp kế lò nướng 1	17676	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Khu nướng
7	Áp kế lò nướng 2	17677	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Khu nướng
8	Nhiệt ẩm kế 1	17678	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Phòng ủ
		17679	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Phòng máy gói
9	Nhiệt ẩm kế 2	15223	15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
10		28772	17/8/2023	17/8/2024	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
	Nhiệt kế lò sấy FBD1 - 1	17783	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Khu sấy 1

		15209	15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
11	Nhiệt kế lò sấy FBD1 -2	28062	17/8/2023	17/8/2024	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Khu sấy 1
		17784	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
		15210	15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
		29600	17/8/2023	17/8/2024	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Khu sấy 1
12	Nhiệt kế lò sấy FBD1 -3	17785	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
		15211	15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
		28771	17/8/2023	17/8/2024	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Khu sấy 1
13	Nhiệt kế lò sấy FBD1 -4	17786	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
		15212	15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
		29983	17/8/2023	17/8/2024	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Khu sấy 3
14	Nhiệt kế sấy FBD2-1	17787	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
		15213	15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
15	Nhiệt kế sấy FBD2-2	29984	17/8/2023	17/8/2024	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Khu sấy 3

		17788	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
		15214	15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
16	Nhiệt kế máy ly tâm A	29987	17/8/2023	17/8/2024	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Khu sấy 2
		17789	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
		15215	15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
		30569	17/8/2023	17/8/2024	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Khu sấy 2
17	Nhiệt kế máy ly tâm B	17790	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
		15216	15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
18	Cân đồng hồ lò xo CĐH 5 kg	17779	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Nguyên liệu
19	Cân đồng hồ lò xo CĐH 10 kg	17775	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Nguyên liệu
20	Cân đồng hồ lò xo CĐH 0.5 kg	17774	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Máy gói
		016522	15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
21	Cân đồng hồ lò xo CĐH 0.5 kg	17776	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Đóng túi
		016523	15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	

22	Cân đồng hồ lò xo CĐH 2 kg	17778	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Đóng túi
23	Cân đồng hồ lò xo CĐH 1 kg	17777	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Đóng túi
		016529	15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
24	Cân đồng hồ lò xo 20 kg	17779	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Nguyên liệu
		016536	15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
25	Cân kỹ thuật	12174	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Nguyên liệu
		016539	15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
IV	Dây chuyền sản xuất bánh quy					
1	Nhiệt ẩm kế phòng ủ	29980	17/8/2023	17/8/2024	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
					Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Định hình
2	Nhiệt ẩm kế phòng máy gói	17762	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Máy gói
3	Cân đồng hồ lò xo 0.5 kg	17780	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Phun dầu
4	Cân đồng hồ lò xo 1.0 kg	17781	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Đóng túi
5	Cân đồng hồ lò xo 10kg	17782	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Nguyên liệu

V	Hệ thống phụ trợ					
1	Máy nén khí 13065	17728	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Khu máy nén
		016544	15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
2	Máy nén khí 01530	17729	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Khu máy nén
		016545	15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
3	Máy nén khí Fusheng	17730	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Khu máy nén
		016546	15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
4	Máy sấy khí	17731	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Khu máy nén
		016547	15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
5	BKN Fusheng 92159	17733	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Khu máy nén
		016548	15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
6	BKN Fusheng OA152	17735	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Khu máy nén
		016549	15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
VI	Phòng kiểm soát chất lượng					

1	Cân phân tích độ ẩm	29980	17/8/2023	17/8/2024	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Phòng QC
		17759	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
		016537	15/9/2021	15/9/2022	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
2	Cân kỹ thuật	29981	17/8/2023	17/8/2024	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Phòng QC
		17758	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
3	Tủ nhiệt (tủ âm)	30563	17/8/2023	17/8/2024	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Phòng vi sinh
		17798	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
4	Bể điều nhiệt	30557	17/8/2023	17/8/2024	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Phòng vi sinh
		17799	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	
5	Áp kế	30556	17/8/2023	17/8/2024	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	Phòng vi sinh
		17766	16/9/2022	30/9/2023	Trung tâm kiểm định An toàn Hà Nội	

PHỤ LỤC 2

Kèm theo kết luận thanh tra số 952 /KL-QLTTNA ngày 21 tháng 10 năm 2024

BẢNG NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT MUA VÀO NĂM 2022

TT	Tên nguyên liệu	Tự công bố	SỐ HÓA ĐƠN
1	Bột mỳ	07/VIMARFOUR/2019	1C22TYY-1872 ngày 19/8/2022
2	Shortening	40/CALOFIC/2019	1C22TAB- 1418 ngày 7/7/2022
3	Đường Detxtrose	08/TTN/2020	1C22TTN-1156 ngày 1/11/2022
4	Tinh bột khoai tây	01/TTN/2022	1C22TTN- 1395 ngày 7/12/2022
5	Sữa bột	241/HOLAFOODS/2019	1C22THL- 15128 ngày 06/9/2022
6	Whey	338/HOLAFOODS/2019	1C22THL-17462 ngày 19/10/2022
7	Natri hydro carbonat	26/kienvuong/2020	1C22TKV -7580 ngày 19/9/2022
8	Amoni hydro carbonate	32/AP/2022	1C22TQU- 416 ngày 30/9/2022
9	Tinh dầu trứng sữa	115/Viethuong/2021	1C22TVH- 969 ngày 03/11/2022
10	Vani	09/HHT/2023	1C22THN-758 ngày 29/9/2022
11	Tinh dầu đậu đũ	15/CBTC givaudan/2021	1C22TSG- 15683 ngày 10/8/2022
12	Tinh dầu dừa	60/HA/2021	1C22THA- 763 ngày 22/8/2022
13	Màu thực phẩm 102	18/Malt Minhkiem/ 2022	1C22TSV- 783 ngày 5/9/2022
14	Tinh bột biến tính 1421	TCCS35/VDN/2019	1C22TTN- 1156 ngày 01/11/2022
15	Đường tinh luyện	01/CTCPMDSC/2024	1C22TBA- 2725 ngày 19/7/2022

BẢNG NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT MUA VÀO NĂM 2023

TT	Tên nguyên liệu	Tự công bố	SỐ HÓA ĐƠN
1	Bột mỳ	07/VIMARFOUR/2019	1C23TYY-2764 ngày 26/10/2023
2	Shortening	40/CALOFIC/2019	1C23TAB-55 ngày 09/1/2023
3	Đường Detxtrose	08/TTN/2020	1C23TTN- 1178 ngày 13/9/2023
4	Tinh bột khoai tây	01/TTN/2022	1C23TTN- 362 ngày 29/3/2023
5	Sữa bột	241/HOLAFOODS/2019	1C22THL- 2367 ngày 20/2/2023

6	Whey	338/HOLAFOODS/2019	1C23THL-24699 ngày 25/12/2023
7	Natri hydro carbonat	26/kienvuong/2020	1C23TKV- 5042 ngày 04/5/2023
8	Amoni hydro carbonate	32/AP/2022	1C23TQU- 308 ngày 14/6/2023
9	Tinh dầu trứng sữa	115/Viethuong/2021	1C23TVH- 785 ngày 17/7/2023
10	Vani	09/HHT/2023	1C23THN- 862 ngày 08/12/2023
11	Tinh dầu đậu đỏ	15/CBTC givaudan/2021	1C23TSG- 15802 ngày 4/5/2023
12	Tinh dầu dừa	60/HA/2021	1C23THA- 945 ngày 14/11/2023
13	Màu thực phẩm 102	18/Malt Minhkien/ 2022	1C23TMK- 84 ngày 22/2/2023
14	Tinh bột biến tính 1421	TCCS35/VDN/2019	1C23TTN- 684 ngày 13/6/2023
15	Màu thực phẩm 160 a(i)	102/ACC/2022	1C23TSG – 47313 ngày 18/11/2023
16	Chất chống oxy hóa	13/SIMVN/2020	1C23TSV- 1985 ngày 06/12/2023
17	Acid citric	011/KienVuong/2022	1C23TKV- 14805 ngày 25/10/2023
18	Đường tinh luyện	01/CTCPMĐSC/2024	1C23TTC- 3281 ngày 26/9/2023

BẢNG NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT MUA VÀO NĂM 2024

TT	Tên nguyên liệu	Tự công bố sản phẩm	SỐ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ MUA VÀO
1	Bột mỳ	07/VIMARFOUR/2019	1C24TYY-1604 ngày 25/05/2024
2	Đường tinh luyện	01/CTCPMĐSC/2024	1C24TTC -13662 ngày 19/07/2024
3	Shortening	40/CALOFIC/2019	1C24THC- 2344 ngày 23/08/2024
4	Đường Detxtrose	08/TTN/2020	1C24TTN-1075 ngày 08/08/2024
5	Trứng gà	002/GCHPPT/2022	1C24TNL- 91 ngày 13/08/2024
6	Tinh bột khoai tây	01/TTN/2022	1C24TTN- 1075 ngày 08/08/2024
7	Sữa bột	241/HOLAFOODS/2019	1C24THL- 13115 ngày 02/08/2024
8	Whey	338/HOLAFOODS/2019	1C24THL- 13115 ngày 02/08/2024
9	Bột lòng đỏ trứng	29/FCC/2022	1C24THA- 2680 ngày 21/06/2024

10	Natri hydro carbonat	26/kienvuong/2020	1C24TKV- 3881 ngày 02/08/2024
11	Amoni hydro carbonate	32/AP/2022	1C24TQH- 543 ngày 28/08/2024
12	Lecithin	116/ACC/2022	1C24TSG- 35318 ngày 20/08/2024
13	Vani	09/HHT/2023	1C24THN-606 ngày 05/08/2024
14	Tinh dầu trứng sữa	115/Viethuong/2021	1C24TVH- 990 ngày 20/08/2024
15	Tinh dầu sữa	39/Viethuong/2019	1C24TVH- 554 ngày 20/05/2024
16	Tinh dầu đậu đỏ	15/CBTC givaudan/2021	1C24TSG- 35316 ngày 20/08/2024
17	Tinh dầu dưa vàng	285/HA/2023	1C24THA- 810 ngày 23/08/2024
18	Tinh dầu dừa	60/HA/2021	1C24THA- 810 ngày 23/08/2024
19	Màu thực phẩm 102	18/Malt Minhkien/ 2022	1C24TMK- 431 ngày 04/07/2024
20	Màu thực phẩm 124	15/Malt Minhkien/ 2022	1C24TMK- 518 ngày 05/08/2024
21	Màu thực phẩm 127	37/2020/01066224-CBPH	1C24TMK- 173 ngày 08/04/2024
22	Tinh bột biến tính 1420	TCCS58/VDN/2023	1C24TTN- 1075 ngày 08/08/2024
23	Tinh bột biến tính 1421	TCCS35/VDN/2019	1C24TTN- 1075 ngày 08/08/2024
24	I+G	158/CNPBD/2022	1C24TBD- 1140 ngày 05/03/2024
25	MononatriL-Glutamat	TCCS13/VDN/2022	1C24TAB- 23535 ngày 05/08/2024



BẢNG NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT MUA VÀO NĂM 2022

TT	Tên nguyên liệu	Tự công bố	SÓ HÓA ĐƠN
1	Bột mỳ	07/VIMARFOUR/2019	1C22TYY-1872 ngày 19/8/2022
2	Shortening	40/CALOFIC/2019	1C22TAB- 1418 ngày 7/7/2022
3	Đường Detxtrose	08/TTN/2020	1C22TTN-1156 ngày 1/11/2022
4	Tinh bột khoai tây	01/TTN/2022	1C22TTN- 1395 ngày 7/12/2022
5	Sữa bột	241/HOLAFOODS/2019	1C22THL- 15128 ngày 06/9/2022
6	Whey	338/HOLAFOODS/2019	1C22THL-17462 ngày 19/10/2022
7	Natri hydro carbonat	26/kienvuong/2020	1C22TKV -7580 ngày 19/9/2022
8	Amoni hydro carbonate	32/AP/2022	1C22TQU- 416 ngày 30/9/2022
9	Tinh dầu trứng sữa	115/Viethuong/2021	1C22TVH- 969 ngày 03/11/2022
10	Vani	09/HHT/2023	1C22THN-758 ngày 29/9/2022
11	Tinh dầu đậu đỗ	15/CBTC givaudan/2021	1C22TSG- 15683 ngày 10/8/2022
12	Tinh dầu dừa	60/HA/2021	1C22THA- 763 ngày 22/8/2022
13	Màu thực phẩm 102	18/Malt Minhkien/ 2022	1C22TSV- 783 ngày 5/9/2022
14	Tinh bột biến tính 1421	TCCS35/VDN/2019	1C22TTN- 1156 ngày 01/11/2022
15	Đường tinh luyện	01/CTCPMDSC/2024	1C22TBA- 2725 ngày 19/7/2022

BẢNG NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT MUA VÀO NĂM 2023

TT	Tên nguyên liệu	Tự công bố	SÓ HÓA ĐƠN
1	Bột mỳ	07/VIMARFOUR/2019	1C23TYY-2764 ngày 26/10/2023
2	Shortening	40/CALOFIC/2019	1C23TAB-55 ngày 09/1/2023
3	Đường Detxtrose	08/TTN/2020	1C23TTN- 1178 ngày 13/9/2023
4	Tinh bột khoai tây	01/TTN/2022	1C23TTN- 362 ngày 29/3/2023
5	Sữa bột	241/HOLAFOODS/2019	1C22THL- 2367 ngày 20/2/2023
6	Whey	338/HOLAFOODS/2019	1C23THL-24699 ngày 25/12/2023
7	Natri hydro carbonat	26/kienvuong/2020	1C23TKV- 5042 ngày 04/5/2023

8	Amoni hydro carbonate	32/AP/2022	1C23TQU- 308 ngày 14/6/2023
9	Tinh dầu trứng sữa	115/Viethuong/2021	1C23TVH- 785 ngày 17/7/2023
10	Vani	09/HHT/2023	1C23THN- 862 ngày 08/12/2023
11	Tinh dầu đậu đũa	15/CBTC givaudan/2021	1C23TSG- 15802 ngày 4/5/2023
12	Tinh dầu dừa	60/HA/2021	1C23THA- 945 ngày 14/11/2023
13	Màu thực phẩm 102	18/Malt Minhkiem/ 2022	1C23TMK- 84 ngày 22/2/2023
14	Tinh bột biến tính 1421	TCCS35/VDN/2019	1C23TTN- 684 ngày 13/6/2023
15	Màu thực phẩm 160 a(i)	102/ACC/2022	1C23TSG – 47313 ngày 18/11/2023
16	Chất chống oxy hóa	13/SIMVN/2020	1C23TSV- 1985 ngày 06/12/2023
17	Acid citric	011/KienVuong/2022	1C23TKV- 14805 ngày 25/10/2023
18	Đường tinh luyện	01/CTCPMDSC/2024	1C23TTC- 3281 ngày 26/9/2023

BẢNG NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT MUA VÀO NĂM 2024

TT	Tên nguyên liệu	Tự công bố sản phẩm	SỐ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ MUA VÀO
1	Bột mỳ	07/VIMARFOUR/2019	1C24TYY-1604 ngày 25/05/2024
2	Đường tinh luyện	01/CTCPMDSC/2024	1C24TTC -13662 ngày 19/07/2024
3	Shortening	40/CALOFIC/2019	1C24THC- 2344 ngày 23/08/2024
4	Đường Detxtrose	08/TTN/2020	1C24TTN-1075 ngày 08/08/2024
5	Trứng gà	002/GCHPPT/2022	1C24TNL- 91 ngày 13/08/2024
6	Tinh bột khoai tây	01/TTN/2022	1C24TTN- 1075 ngày 08/08/2024
7	Sữa bột	241/HOLAFOODS/2019	1C24THL- 13115 ngày 02/08/2024
8	Whey	338/HOLAFOODS/2019	1C24THL- 13115 ngày 02/08/2024
9	Bột lòng đỏ trứng	29/FCC/2022	1C24THA- 2680 ngày 21/06/2024
10	Natri hydro carbonat	26/kienvuong/2020	1C24TKV- 3881 ngày 02/08/2024

11	Amoni hydro carbonate	32/AP/2022	1C24TQH- 543 ngày 28/08/2024
12	Lecithin	116/ACC/2022	1C24TSG- 35318 ngày 20/08/2024
13	Vani	09/HHT/2023	1C24THN-606 ngày 05/08/2024
14	Tinh dầu trứng sữa	115/Viethuong/2021	1C24TVH- 990 ngày 20/08/2024
15	Tinh dầu sữa	39/Viethuong/2019	1C24TVH- 554 ngày 20/05/2024
16	Tinh dầu đậu đỏ	15/CBTC givaudan/2021	1C24TSG- 35316 ngày 20/08/2024
17	Tinh dầu dưa vàng	285/HA/2023	1C24THA- 810 ngày 23/08/2024
18	Tinh dầu dừa	60/HA/2021	1C24THA- 810 ngày 23/08/2024
19	Màu thực phẩm 102	18/Malt Minhkien/ 2022	1C24TMK- 431 ngày 04/07/2024
20	Màu thực phẩm 124	15/Malt Minhkien/ 2022	1C24TMK- 518 ngày 05/08/2024
21	Màu thực phẩm 127	37/2020/01066224-CBPH	1C24TMK- 173 ngày 08/04/2024
22	Tinh bột biến tính 1420	TCCS58/VDN/2023	1C24TTN- 1075 ngày 08/08/2024
23	Tinh bột biến tính 1421	TCCS35/VDN/2019	1C24TTN- 1075 ngày 08/08/2024
24	I+G	158/CNPBD/2022	1C24TBD- 1140 ngày 05/03/2024
25	MononatriL-Glutamat	TCCS13/VDN/2022	1C24TAB- 23535 ngày 05/08/2024

**CTY CỔ PHẦN BÁNH KẸO
TRÀNG AN 2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY XÁC NHẬN
TẬP HUẤN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

Số: 01 /2023/XNTHKTATTP

Căn cứ Thông tư số 13/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định tại Quyết định Số 1390/QĐ-BCT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành bộ câu hỏi, đáp án trả lời thực hiện kiểm tra tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm.

Tên Cơ sở sản xuất, kinh doanh: Công ty cổ phần bánh kẹo Tràng An 2 – Việt Nam

Địa chỉ: Số 233, đường Sào Nam, phường Nghi Thu, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An – Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có) số: 2901142331 Thay đổi đăng ký lần 3 cấp ngày: 22/08/2017 nơi cấp: Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3956686

Xác nhận các ông/bà có tên theo danh sách kèm theo đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm và đã đạt kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm tại buổi kiểm tra ngày 20 tháng 07 năm 2023 theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị trong thời hạn 3 năm kể từ ngày cấp.

Nghệ An, ngày 20 tháng 07 năm 2023

CHỦ CƠ SỞ XÁC NHẬN

(ký tên/dóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Phan Chí Công

**DANH SÁCH KÈM THEO GIẤY XÁC NHẬN TẬP HUÂN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN
THỰC PHẨM**

Số: 01 /2023/XNTHKTATTP

TT	Họ và Tên		Nam	Nữ	Số Hộ chiếu/ CMND/thẻ căn cước	Ngày/tháng/ năm cấp CMND/ thẻ căn cước	Bộ phận hiện đang làm việc tại cơ sở
1	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh		x	186451994	03/03/2005	Công nhân chạy máy
2	Nguyễn Thị Trà	Giang		x	186045863	11/01/2001	Công nhân chạy máy
3	Nguyễn Thị	Bắc		x	186804446	25/07/2006	Công nhân đóng túi
4	Nguyễn Thị	Hằng		x	186451974	02/03/2005	Công nhân chạy máy
5	Nguyễn Thị	Lanh		x	186497481	11/12/2004	Công nhân chạy máy
6	Lê Thị Hoa	Mơ		x	182531104	16/03/2000	Công nhân chạy máy
7	Nguyễn Thị	Bé		x	186451996	03/03/2005	Công nhân chạy máy
8	Nguyễn Thị Ngọc	Mai		x	187062125	14/10/2008	Công nhân đóng túi
9	Nguyễn Thị	An		x	186573827	04/04/2006	Công nhân sản xuất
10	Nguyễn Thị	Yến		x	186128396	00/01/1900	Công nhân chạy máy
11	Phùng Thị Thanh	Mơ		x	186377609	18/02/2004	Công nhân chạy máy
12	Nguyễn Thị	Châu		x	186188909	20/06/2002	Công nhân chạy máy
13	Trần Thị Huyền	Trang		x	186128269	00/01/1900	Công nhân chạy máy
14	Bùi Thị	Hà		x	182344789	19/03/1998	Công nhân đóng túi
15	Nguyễn Thị	Chung		x	186618764	13/6/2005	Công nhân đóng túi
16	Hoàng Thị Hồng	Lê		x	182521271	24/2/2000	Công nhân chạy máy
17	Trịnh Xuân	Phi	x		186838862	29/3/2007	Công nhân sản xuất
18	Phùng Đức	Hạnh	x		186045158	16/4/2004	Công nhân sản xuất
19	Võ Thị Thanh	Nga		x	182312162	1/10/1997	Công nhân đóng túi
20	Trần Khánh	Huy		x	186124640	06/11/2001	Trưởng phòng QC
21	Nguyễn Thị	Thanh		x	186023277	22/4/2001	Công nhân đóng túi
22	Phạm Thị	Thắm		x	187911707	08.11.2001	Quản đốc
23	Đặng Thị	Yến		x	186141249	31/10/2001	Công nhân sản xuất
24	Trần Ngọc	Dương	x		186919062	27/6/2007	Công nhân sản xuất
25	Phạm Thị	Huyền		x	182544835	05/03/2000	Công nhân đóng túi
26	Nguyễn Thị Hoài	Thương		x	186715105	03/01/2006	Công nhân đóng túi
27	Vũ Thị	Hà		x	186188307	05/10/2004	Công nhân đóng túi
28	Nguyễn Thị	Hợi		x	186282239	17/3/2003	Công nhân đóng túi
29	Hoàng Thị Thanh	Huyền		x	187062327	02/05/2009	Công nhân chạy máy
30	Hoàng Thị	Hằng		x	186993124	23/3/2008	Công nhân chạy máy
31	Nguyễn Văn	Hậu	x		182377565	17/3/1999	Phó quản đốc


 290114
 CÔNG BÁNH
 TRÀNG
 VIỆT
 CỤA LÒ

32	Nguyễn Thị	Thích	x	186282035	15/3/2003	Phó quản đốc
33	Võ Trung	Đông	x	186717617	27/12/2005	Công nhân sản xuất
34	Phùng Thị	Tâm	x	186846863	10/01/2007	Công nhân đóng túi
35	Nguyễn Thị	Thìn	x	186573840	17/3/2005	Công nhân chạy máy
36	Nguyễn Thị	Huệ	x	186162019	6/3/2002	Công nhân đóng túi
37	Hoàng Thị Hồng	Lê	x	186377540	17/2/2004	Công nhân đóng túi
38	Lê Thị Mai	Hồng	x	186377621	18/2/2004	Công nhân sản xuất
39	Trần Thị	Hiền	x	186715276	29/3/2006	Công nhân đóng túi
40	Trần Thị	Thắm	x	186009926	04/4/2006	Công nhân chạy máy
41	Nguyễn Thị	Tuyết	x	186128268	14/4/2004	Công nhân chạy máy
42	Hoàng Thị	Hoài	x	187062051	13/10/2008	Công nhân chạy máy
43	Lương Thị	Anh	x	186900641	20/10/2009	Công nhân sản xuất
44	Dương Thị	Huế	x	187691915	02/09/2015	Công nhân đóng túi
45	Võ Thanh	Tú	x	186715378	04/04/2006	Công nhân sản xuất
46	Hoàng Thị Tuyết	Anh	x	186377934	14/4/2004	Công nhân đóng túi
47	Nguyễn Thị	Mai	x	186919039	27/06/2007	Công nhân sản xuất
48	Hoàng Chính	Anh	x	186645154	29/08/2005	Công nhân sản xuất
49	Nguyễn Thị	Như	x	187179267	09/03/2010	Công nhân chạy máy
50	Lê Sỹ	Đạt	x	186695601	27/10/2005	Công nhân sản xuất
51	Võ Thị	Duyên	x	186377585	18/02/2004	Công nhân sản xuất
52	Phùng Thị Minh	Hiền	x	182444045	17/3/1999	Công nhân đóng túi
53	Nguyễn Thị Thu	Hà	x	182359624	00/01/1900	Công nhân sản xuất
54	Phùng Thị	Hoa	x	182391984	29/4/2013	Công nhân đóng túi
55	Hoàng Thị	Yến	x	187324331	03/04/2013	Công nhân chạy máy
56	Nguyễn Trọng	Đàn	x	186249815	13/02/2003	Công nhân sản xuất
57	Nguyễn Quốc	Khiêm	x	182359467	29/11/2013	Công nhân sản xuất
58	Lê Thị Thu	Hiền	x	186623856	12/07/2005	Công nhân chạy máy
59	Trương Thị	Tiến	x	186884148	28/08/2008	Kỹ thuật viên
60	Hoàng Thị	Hợi	x	186141419	01/11/2001	Công nhân sản xuất
61	Ngô Thị	Sáu	x	186782006	04/07/2006	Kỹ thuật viên
62	Lê Xuân	Hùng	x	182291929	16/03/2011	Công nhân sản xuất
63	Nguyễn Thị	Nguyệt	x	182447314	07/07/2015	Công nhân đóng túi
64	Lê Thị	Thu	x	182169603	05/6/2012	Công nhân đóng túi
65	Phùng Thị Thu	Hằng	x	182268738	24/4/2014	Công nhân đóng túi
66	Hoàng Thị	Hiền	x	187062098	14/10/2008	Công nhân sản xuất
67	Nguyễn Thị	Thu	x	186279318	16/04/2003	Công nhân chạy máy
68	Nguyễn Danh	Hiệu	x	186698993	10/09/2010	Công nhân sản xuất
69	Võ Thị Kim	Dung	x	182316859	14/06/2017	Công nhân chạy máy

2337
 TY C
 KEO
 GAN
 NAM
 T.NGUYEN

70	Nguyễn Thị	Quỳnh	x	187445047	28/05/2012	Nhân viên R&D
71	Nguyễn Thị	Hiền	x	187110972	15/04/2009	Công nhân chạy máy
72	Cao Tiên	Phong	x	186215016	03/01/2017	Công nhân sản xuất
73	Dương Thị	Thúy	x	040183022932	30/5/22	Công nhân đóng túi
74	Hoàng Thị	Hương	x	182444164	10/04/2012	Công nhân đóng túi
75	Hồ Thị Thanh	Huyền	x	182268753	26/06/2009	Công nhân đóng túi
76	Nguyễn Thị	Giang	x	040177017033	10/05/2021	Công nhân đóng túi
77	Hồ Thị	Hằng	x	040196003287	19/04/2021	Công nhân chạy máy
78	Vũ Thị Thanh	Khánh	x	040190017392	28/09/2021	Công nhân chạy máy
79	H Hưng Rơ	Lulk	x	066301016414	22/08/2022	Công nhân đóng túi
80	Đỗ Thị	Chính	x	25183008231	07/03/2022	Công nhân chạy máy
81	Nguyễn Thị	Hà	x	040185010225	27/04/2021	Công nhân đóng túi
82	Nguyễn Thị	Quyên	x	040186014987	15/05/2022	Công nhân đóng túi
83	Nguyễn Đình	Minh	x	040083011104	22.09.2021	Công nhân sản xuất
84	Nguyễn Thị	Sang	x	186862114	14.05.2013	Nhân viên R&D
85	Nguyễn Hùng	Cường	x	186569242	10/01/2005	Công nhân cơ điện
86	Lê Đức	Thuận	x	186451973	02/03/2005	Công nhân cơ điện
87	Nguyễn Văn	Tùng	x	186175328	31/03/2002	Công nhân cơ điện
88	Ché Ma	Na	x	182391948	00.01.1900	Công nhân cơ điện
89	Trần Thọ	Thi	x	182398696	21/1/1999	Công nhân cơ điện
90	Nguyễn Bá	Đạt	x	186377974	02/06/2011	Công nhân cơ điện
91	Phan Tuấn	Anh	x	186947798	13/10/2007	Công nhân cơ điện
92	Võ Minh	Thọ	x	182398718	25/3/2007	Công nhân cơ điện
93	Ngô Văn	Dần	x	186498619	29/11/2004	Thủ kho
94	Nguyễn Văn	Hoạt	x	186026394	13/10/2000	Thủ kho
95	Đặng Văn	Vinh	x	186266690	01/04/2003	Công nhân bốc xếp
96	Đào Văn	Thọ	x	186218008	25/01/2009	Công nhân bốc xếp
97	Nguyễn Đình	Cường	x	182544801	05.02.2006	Công nhân bốc xếp
98	Hoàng Văn	Nam	x	187690759	03.04.2015	Công nhân bốc xếp
99	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	x	186100875	25.05.2004	TP kế hoạch sản xuất
100	Nguyễn Thị	Lanh	x	186497481	11/12/2004	Thống kê
101	Đặng Thị	Tươi	x	186016437	26/09/2000	Nhân viên KHSX
102	Phan Chí	Công	x	183113719	21.12.2016	Giám đốc
103	Võ Thị	Quỳnh	x	186223183	06/06/2016	Phó chánh văn phòng
104	Lê Thị Hồng	Lợi	x	186420117	18/5/2004	Y tế
105	Lã Hồng	Tùng	x	121476050	08.03.2016	Phó giám đốc

SCTC.P

Công ty cổ phần Bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam

**DANH SÁCH KÈM THEO GIẤY XÁC NHẬN TẬP HUẤN
KIẾN THỨC VỀ ATTP (bổ sung)**

Tháng 5/2024

STT	Họ và tên	Nam	Nữ	Số CMND	Năm sinh	Bộ phận hiện đang làm việc
1	Phan Thị Mai Hương		x		02/08/1999	Công nhân sản xuất

Người lập

Ngày 11 tháng 4 năm 2024

Giám đốc



GIÁM ĐỐC
Phan Chí Công

CTY CỔ PHẦN BÁNH KẸO
TRÀNG AN 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY XÁC NHẬN
TẬP HUẤN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

Số: 01 /2021/XNTHKTATTP

Căn cứ Thông tư số 13/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định tại Quyết định Số 1390/QĐ-BCT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành bộ câu hỏi, đáp án trả lời thực hiện kiểm tra tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm.

Tên Cơ sở sản xuất, kinh doanh: Công ty cổ phần bánh kẹo Tràng An 2 – Việt Nam

Địa chỉ: Số 233, đường Sào Nam, phường Nghi Thu, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An – Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có) số: 2901142331 Thay đổi đăng ký lần 3 cấp ngày: 22/08/2017 nơi cấp: Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3956686

Xác nhận các ông/bà có tên theo danh sách kèm theo đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm và đã đạt kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm tại buổi kiểm tra ngày 25 tháng 07 năm 2021 theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị trong thời hạn 3 năm kể từ ngày cấp.

Nghệ An, ngày 26 tháng 07 năm 2021

CHỦ CƠ SỞ XÁC NHẬN

(ký tên/dóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Phan Chí Công

**DANH SÁCH KÈM THEO GIẤY XÁC NHẬN TẠP HUẤN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN
THỰC PHẨM**

Số: 01 /2021/XNTHKTATTP

STT	Họ và	Tên	Nam	Nữ	Số CMND	Ngày cấp	Bộ phận làm việc
1	Phan Chí	Công	x		183113719	21/12/2016	Giám đốc
2	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh		x	186451994	03/03/2005	CN sản xuất
3	Đào Thị	Duyên		x	182346666	01/04/1998	CN sản xuất
4	Nguyễn Thị Trà	Giang		x	186045863	11/01/2001	CN sản xuất
5	Võ Thị	Ánh		x	186715162	02/03/2006	CN sản xuất
6	Nguyễn Thị	Bắc		x	186804446	25/07/2006	CN sản xuất
7	Nguyễn Thị	Hằng		x	186451974	02/03/2005	CN sản xuất
8	Nguyễn Thị	Lanh		x	186497481	11/12/2004	CN sản xuất
9	Lê Thị Hoa	Mơ		x	182531104	16/03/2000	CN sản xuất
10	Nguyễn Thị	Bé		x	186451996	03/03/2005	CN sản xuất
11	Nguyễn Thị Ngọc	Mai		x	187062125	14/10/2008	CN sản xuất
12	Nguyễn Thị	An		x	186573827	04/04/2006	CN sản xuất
13	Phùng Thị Thanh	Mơ		x	186377609	18/02/2004	CN sản xuất
14	Nguyễn Thị	Châu		x	186188909	20/06/2002	CN sản xuất
15	Bùi Thị	Hà		x	182344789	19/03/1998	CN sản xuất
16	Nguyễn Thị	Chung		x	186618764	13/6/2005	CN sản xuất
17	Hoàng Thị Hồng	Lê		x	182521271	24/2/2000	CN sản xuất
18	Trịnh Xuân	Phi	x		186838862	29/3/2007	CN sản xuất
19	Phùng Đức	Hạnh	x		186045158	16/4/2004	CN sản xuất
20	Võ Thị Thanh	Nga		x	182312162	1/10/1997	CN sản xuất
21	Nguyễn Thị	Liên		x	182521219	24/02/2000	CN sản xuất
22	Nguyễn Thị	Thanh		x	186023277	22/4/2001	CN sản xuất
23	Đặng Thị	Yến		x	186141249	31/10/2001	CN sản xuất
24	Trần Ngọc	Dương	x		186919062	27/6/2007	CN sản xuất
25	Hoàng Thị	Lý			182425436	16/1/1998	CN sản xuất
26	Phạm Thị	Huyền		x	182544835	05/03/2000	CN sản xuất
27	Võ Thị Bích	Thảo		x	186218108	08/08/2002	CN sản xuất
28	Nguyễn Thị Hoài	Thương		x	186715105	03/01/2006	CN sản xuất
29	Vũ Thị	Hà		x	186188307	05/10/2004	CN sản xuất
30	Phùng Bá	Hiếu	x		186451582	08/10/2004	CN sản xuất
31	Nguyễn Thị	Hợi		x	186282239	17/3/2003	CN sản xuất
32	Hoàng Thị Thanh	Huyền		x	187062327	02/05/2009	CN sản xuất
33	Hoàng Thị	Hường		x	186715350	31/3/2006	CN sản xuất
34	Võ Trung	Đông		x	186717617	27/12/2005	CN sản xuất
35	Phùng Thị	Tâm		x	186846863	10/01/2007	CN sản xuất
36	Nguyễn Thị	Thìn		x	186573840	17/3/2005	CN sản xuất



37	Nguyễn Thị	Huệ		x	186162019	6/3/2002	CN sản xuất
38	Hoàng Thị Hồng	Lê		x	186377540	17/2/2004	CN sản xuất
39	Lê Thị Mai	Hồng		x	186377621	18/2/2004	CN sản xuất
40	Trần Thị	Thắm		x	186009926	04/4/2006	CN sản xuất
41	Nguyễn Thị	Tuyết		x	186128268	14/4/2004	CN sản xuất
42	Hoàng Thị	Hoài		x	187062051	13/10/2008	CN sản xuất
43	Phùng Thị	Hường		x	186377561	17/02/2004	CN sản xuất
44	Lương Thị	Anh		x	186900641	20/10/2009	CN sản xuất
45	Dương Thị	Huệ		x	187691915	02/09/2015	CN sản xuất
46	Võ Thanh	Tú	x		186715378	04/04/2006	CN sản xuất
47	Hoàng Thị Tuyết	Anh		x	186377934	14/4/2004	CN sản xuất
48	Nguyễn Thị	Mai		x	186919039	27/06/2007	CN sản xuất
49	Hoàng Thị	Hà		x	187062067	13/10/2008	CN sản xuất
50	Hoàng Chính	Anh	x		186645154	29/08/2005	CN sản xuất
51	Nguyễn Thị	Như		x	187179267	09/03/2010	CN sản xuất
52	Lê Sỹ	Đạt	x		186695601	27/10/2005	CN sản xuất
53	Nguyễn Thị	Mến		x	186375866	08/03/2004	CN sản xuất
54	Phùng Thị Minh	Hiền		x	182444045	17/3/1999	CN sản xuất
55	Nguyễn Thị Thu	Hà		x	182359624	00/01/1900	CN sản xuất
56	Phùng Thị	Hoa		x	182391984	29/4/2013	CN sản xuất
57	Hoàng Thị	Yến		x	187324331	03/04/2013	CN sản xuất
58	Nguyễn Trọng	Đàn	x		186249815	13/02/2003	CN sản xuất
59	Mai Thị Quỳnh	Giang		x	187179234	03/09/2010	CN sản xuất
60	Nguyễn Quốc	Khiêm	x		182359467	29/11/2013	CN sản xuất
61	Lê Thị Thu	Hiền		x	186623856	12/07/2005	CN sản xuất
62	Hoàng Thị	Hợi		x	186141419	01/11/2001	CN sản xuất
63	Lê Xuân	Hùng	x		182291929	16/03/2011	CN sản xuất
64	Nguyễn Thị	Nguyệt		x	182447314	07/07/2015	CN sản xuất
65	Lê Thị	Thu		x	182169603	05/6/2012	CN sản xuất
66	Phùng Thị Thu	Hằng		x	182268738	24/4/2014	CN sản xuất
67	Hoàng Thị	Hiền		x	187062098	14/10/2008	CN sản xuất
68	Trần Thị	Hà		x	182359095	26/06/2015	CN sản xuất
69	Nguyễn Thị	Thu		x	186279318	16/04/2003	CN sản xuất
70	Nguyễn Danh	Hiệu	x		186698993	10/09/2010	CN sản xuất
71	Võ Thị Kim	Dung		x	182316859	14/06/2017	CN sản xuất

2337
TY CP
KÉO
GÂN 2
NAM
T.NGHIỆ

Công ty cổ phần Bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam

**DANH SÁCH KÈM THEO GIẤY XÁC NHẬN TẬP HUẤN
KIẾN THỨC VỀ ATTP (bổ sung)**

Tháng 6/2022

STT	Họ và tên	Nam	Nữ	Số CMND	Năm sinh	Bộ phận hiện đang làm việc
1	Lương Thị Nghĩa		x		05/07/1980	Công nhân sản xuất
2	Trần Thị Lê		x		28/08/1986	Công nhân sản xuất
3	Trần Thị Huyền Trang		x		06/11/1986	Công nhân sản xuất
4	Nguyễn Thị Hoa		x		20/05/1985	Công nhân sản xuất
5	Nguyễn Thị Thương Mến		x		20/10/1986	Công nhân sản xuất
6	Võ Thị Duyên		x		15/04/1985	Công nhân sản xuất
7	Hoàng Thị Hợi		x		03/05/1983	Công nhân sản xuất
8	Hồ Thị Giang		x		24/12/1986	Công nhân sản xuất
9	Bùi Thị Diệp		x		02/07/1988	Công nhân sản xuất
10	Đào Văn Thọ	x			02/02/1981	Công nhân sản xuất

Người lập

Ngày 1 tháng 6 năm 2022



GIÁM ĐỐC
Phan Chí Công

